

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102,005,808,477	115,472,803,658
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6,476,117,205	1,161,743,623
Tiền	111	5.1	6,476,117,205	1,161,743,623
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	3,000,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		3,000,000,000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	17,496,774,394	21,514,643,384
Phải thu khách hàng	131		17,295,943,013	21,786,227,650
Trả trước cho người bán	132		764,521,277	191,745,800
Phải thu nội bộ	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		329,847,224	330,945,891
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(893,537,120)	(794,275,957)
Hàng tồn kho	140	5.4	74,511,508,246	92,530,693,600
Hàng tồn kho	141		74,511,508,246	92,530,693,600
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		521,408,632	265,723,051
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		305,248,872	4,817,100
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	64,389,076
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	91,700,000	63,916,875
Tài sản ngắn hạn khác	158		124,459,760	132,600,000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82,538,675,632	89,313,296,060
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220	5.6	81,373,675,632	88,323,296,060
Tài sản cố định hữu hình	221		81,373,675,632	88,323,296,060
- Nguyên giá	222		178,708,090,869	178,704,240,619
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97,334,415,237)	(90,380,944,559)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	1,165,000,000	990,000,000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		1,972,000,000	1,972,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(807,000,000)	(982,000,000)
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		184,544,484,109	204,786,099,718

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		63,091,173,191	81,280,477,547
Nợ ngắn hạn	310		22,440,413,262	35,414,093,169
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	9,152,196,878	16,085,232,301
Phải trả người bán	312	5.9	2,239,744,897	7,208,743,190
Người mua trả tiền trước	313		440,038,025	4,612,171
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1,506,223,021	1,599,996,945
Phải trả người lao động	315		643,826,000	2,163,460,872
Chi phí phải trả	316	5.11	19,617,303	330,326,420
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	8,438,767,138	8,021,721,270
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Nợ dài hạn	330		40,650,759,929	45,866,384,378
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.13	40,635,316,237	45,850,940,686
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15,443,692	15,443,692
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121,453,310,918	123,505,622,171
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	120,140,309,938	122,749,554,898
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52,953,240,000	52,953,240,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		40,080,701,449	40,080,701,449
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(313,480,000)	(313,480,000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		18,743,241,376	14,325,785,804
Quỹ dự phòng tài chính	418		3,401,240,948	2,482,412,109
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		229,566,286	121,284,750
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5,045,799,879	13,099,610,786
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1,313,000,980	756,067,273
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1,313,000,980	756,067,273
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		184,544,484,109	204,786,099,718

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		-	0.80
- SGD		0.34	0.34
Dư toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2009
GIÁM ĐỐC

VÕ NGỌC HUỲNH THƯ

TRỊNH HỮU MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	81,020,003,079	208,063,647,944
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	23,033,244	409,594,765
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	6.1	80,996,969,835	207,654,053,179
Giá vốn hàng bán	11	6.2	65,374,994,181	164,346,977,946
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		15,621,975,654	43,307,075,233
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	242,603,411	848,946,415
Chi phí tài chính	22	6.3	4,809,721,996	11,413,912,254
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,649,895,356	5,629,702,150
Chi phí bán hàng	24	6.4	1,188,016,035	4,912,644,422
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	3,458,681,107	6,772,660,163
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,408,159,927	21,056,804,809
Thu nhập khác	31	6.6	322,918,245	733,932,556
Chi phí khác	32	6.7	3,345,000	660,945,785
Lợi nhuận khác	40		319,573,245	72,986,771
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,727,733,172	21,129,791,580
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,681,933,293	2,753,214,794
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,045,799,879	18,376,576,786
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			5,276,966	4,739,113
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.8	956	3,878

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VÕ NGỌC HUỲNH THU

TRỊNH HỮU MINH

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Năm 2008
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	6,727,733,172	21,129,791,580
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6,963,820,428	11,199,865,324
- Các khoản dự phòng	03	(75,738,837)	982,000,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	128,668,306
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(67,703,411)	(278,070,176)
- Chi phí lãi vay	06	1,649,895,356	5,629,702,150
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	15,198,006,708	38,791,957,184
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	3,963,354,018	(399,660,063)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	18,019,185,354	(20,374,440,438)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1,978,380,577)	(5,125,834,521)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(300,431,772)	1,484,040,391
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1,649,895,356)	(5,629,702,150)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,269,829,335)	(2,026,506,553)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,821,145,132)	(1,908,872,504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29,160,863,908	4,810,981,346
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14,200,000)	(14,556,236,411)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn kh	22	100,000	56,209,091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3,000,000,000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67,603,411	221,861,085
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,946,496,589)	(14,278,166,235)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	2,493,664,000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(313,480,000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	22,385,790,698	82,039,563,692
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(37,056,440,435)	(117,129,098,903)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,229,344,000)	(4,209,555,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20,899,993,737)	(37,118,906,211)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	5,314,373,582	(46,586,091,100)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,161,743,623	47,747,834,723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,476,117,205	1,161,743,623
		-	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2009

GIÁM ĐỐC

VÕ NGỌC HUỲNH THƯ

TRỊNH HỮU MINH